

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ NGUYỄN GIÁP**

Số: 43 /TB-KT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Nguyễn Giáp, ngày 16 tháng 9 năm 2025

THÔNG BÁO
Kết thúc công khai dự toán ngân sách năm 2025
của UBND xã Nguyễn Giáp

Căn cứ Thông tư số 343/2016/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách; Văn bản số 3949/BTC-NSNN ngày 5/4/2018 của Bộ Tài chính về việc thực hiện công khai ngân sách theo quy định của Luật NSNN 2015;

Căn cứ Quyết định số 453/QĐ-UBND ngày 05 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Nguyễn Giáp về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2025 cho các ngành, các cơ quan, đơn vị của UBND xã Nguyễn Giáp sau sắp xếp;

Căn cứ Quyết định số 516/QĐ-UBND ngày 15 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Nguyễn Giáp về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của UBND xã Nguyễn Giáp;

Căn cứ Thông báo số 34/TB-KT ngày 15 tháng 8 năm 2025 của UBND xã Nguyễn Giáp về việc công bố công khai dự toán ngân sách năm 2025 của UBND xã Nguyễn Giáp;

Xét đề nghị của chuyên viên Phòng Kinh tế về việc thông báo kết thúc công khai dự toán ngân sách năm 2025 của UBND xã Nguyễn Giáp;

Phòng Kinh tế xã Nguyễn Giáp thông báo kết thúc công khai dự toán ngân sách năm 2025 của UBND xã Nguyễn Giáp;

(Có biểu số liệu kèm theo).

- Hình thức công khai:

- + Niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã
- + Thông báo trên hệ thống loa truyền thanh xã
- + Trên Trang thông tin điện tử xã

- Thời gian công khai: Từ ngày 15/8/2025 -15/9/2025

Phòng Kinh tế xã Nguyễn Giáp thông báo để các tổ chức, cá nhân có liên quan được biết./.

Nơi nhận:

- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Chủ tịch, các PCT UBND xã;
- Trung tâm VH TT & TT xã;
- Lưu: KT.

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Đức Trung

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 43 /TB-KT ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Phòng Kinh tế)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC	102.151	102.001
I	Thu nội địa	1.704	1.554
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
2	Thu từ khu vực DNNN do cấp xã quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước (Chi tiết theo sắc thuế)ngoài		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)	498	398
5	Thuế thu nhập cá nhân	248	198
6	Thuế bảo vệ môi trường		
7	Lệ phí trước bạ	235	235
8	Thu phí, lệ phí	73	73
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	260	260
11	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		
12	Thu tiền sử dụng đất		
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (nếu có)		
15	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
16	Thu khác ngân sách	50	50
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác	340	340
II	Thu viện trợ		
III	Thu chuyển nguồn CCTL còn dư năm trước chuyển sang		
IV	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	100.447	100.447
1	Thu bổ sung cân đối từ ngân sách cấp trên	100.447	100.447
2	Thu bổ sung mục tiêu từ ngân sách cấp trên		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 43 /TB-KT ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Phòng Kinh tế)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
A	B	1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	102.001
A	CHI BỔ SUNG CÂN ĐỐI CHO NGÂN SÁCH XÃ	102.001
	Trong đó:	
I	Chi đầu tư phát triển	-
1	Chi đầu tư cho các dự án	
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1,2	Chi Quốc phòng, an ninh và TTATXH	
1,3	Chi khoa học và công nghệ	
1,4	Chi y tế, dân số và gia đình	
1,5	Chi văn hóa thông tin	
1,6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1,7	Chi thể dục thể thao	
1,8	Chi bảo vệ môi trường	
1,9	Chi các hoạt động kinh tế	
1.10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.11	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	100.370
	Trong đó:	100.370
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	64.089
2	Chi Quốc phòng	878
3	Chi an ninh và TTATXH	1.631
4	Chi y tế, dân số và gia đình	164
5	Chi văn hóa thông tin	253
6	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	354
7	Chi thể dục thể thao	202
8	Chi bảo vệ môi trường	98
9	Chi các hoạt động kinh tế	1.545
10	Chi hoạt động của cơ quan quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	23.148
11	Chi bảo đảm xã hội	7.959
12	Chi khác	49
III	Dự phòng ngân sách	1631
IV	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
B	Chi viện trợ	

CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NGUYÊN GIÁP NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 43 /TB-KT ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Phòng Kinh tế)
Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	Dự toán năm 2025
A	B	1
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH XÃ	102.001
I	Thu ngân sách xã được hưởng theo phân cấp	1.554
-	Thu ngân sách xã hưởng 100%	463
-	Thu ngân sách xã hưởng từ các khoản thu phân chia	1.091
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	100.447
-	Thu bổ sung cân đối	100.447
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
III	Thu kết dư	
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH XÃ	102.001
I	Tổng chi cân đối ngân sách xã	102.001
1	Chi đầu tư phát triển	-
2	Chi thường xuyên	100.370
3	Dự phòng ngân sách	1.631
4	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
II	Chi viện trợ	
III	Chi từ nguồn ngân sách cấp trên bổ sung có mục tiêu	
IV	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

NGHỊ ĐỊNH
H TẾ
ÁP - T.P.H

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP XÃ CHO TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC THEO LĨNH VỰC NĂM 2025

(Kèm theo Thông báo số 43 /TB-KT ngày 16 tháng 9 năm 2025 của Phòng Kinh tế)

Đơn vị: Triệu đồng

TRONG ĐÓ																		
STT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ	CHI GIÁO DỤC - ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ	Chi quốc phòng, an ninh và TTXH	CHI Y TẾ, DÂN SỐ VÀ GIA ĐÌNH	CHI VĂN HÓA THÔN G TÍN	CHI PHÁT THANH, TRUYỀN HÌNH, THÔNG TẤN	CHI THỂ DỤC THỂ THAO	CHI BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG	CHI CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ	TRONG ĐÓ			CHI HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN QUẢN LÝ ĐỊA PHƯƠNG, ĐẢNG, ĐOÀN THỂ	CHI BẢO ĐẢM XÃ HỘI	CHI TX KHÁC	TIẾT KIỆM 10% CHI TX	Dự phòng NS
										CHI GIAO THÔNG G, THỊ CHÍN H	CHI NÔNG NGHIỆP, LÂM NGHIỆP, THỦY SẢN							
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15		
	TỔNG SỐ	102.001	64.089	2.509	164	253	354	202	98	1.545	629	916	23.148	7.959	49	-	1.631	
I	Chi đầu tư	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
1	Văn phòng Đảng ủy xã	-								-								
2	Văn phòng HĐND và UBND	-								-								
3	Phòng Kinh tế	-								-								
4	Chi Giáo dục									-								
II	Chi thường xuyên	102.001	64.089	2.509	164	253	354	202	98	1.545	629	916	23.148	7.959	49	-	1.631	
1	Đảng ủy	4.694								-			4.694					
2	MTTQ và các Đoàn thể	5.084											5.084					
3	Văn phòng HĐND và UBND	28.195	61	2.509	164	253	354	202	98	1.545	629	916	13.370	7.959	49	-	1.631	
4	Chi Giáo dục	64.028	64.028	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	
4,1	Mầm non Hà Kỳ	6.134	6.134							-								
4,2	Mầm non Hà Thanh	4.915	4.915							-								
4,3	Mầm non Nguyễn Giáp	8.823	8.823							-								
4,4	Tiểu học Hà Kỳ	6.730	6.730							-								
4,5	Tiểu học Hà Thanh	6.521	6.521							-								
4,6	Tiểu học Nguyễn Giáp	10.476	10.476							-								
4,7	THCS Hà Kỳ	4.615	4.615							-								
4,8	THCS Hà Thanh	4.942	4.942							-								
4,9	THCS Nguyễn Giáp	7.849	7.849							-								
4,10	Tiền thưởng	3.023	3.023															